TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NẬM NHÙN** **TỈNH LAI CHÂU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2019/HSST
Ngày 02/10/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NẬM NHÙN, TỈNH LAI CHÂU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông **Nguyễn Văn Bằng**
- *Các hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Lò Thị Chương
2. Bà Lò Thị Doanh
- *Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà:* Ông Đồng Văn Dũng – Thư ký Toà án nhân dân huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu tham gia phiên toà:* Ông **Tăng Bá Thắng** - Kiểm sát viên.

Ngày 02/10/2019 tại trụ sở tòa án nhân dân huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 12/2019/HSST ngày 15/8/2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2019/QĐXXST-HS ngày 20/9/2019 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Lò A D**; tên gọi khác: không;

Sinh năm 1988 tại Mường Tè, Lai Châu;

Nơi ĐKNKTT và chỗ ở trước khi bị bắt: Bản Huổi Cuổng, xã Vàng San, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Mảng; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; Chức vụ Đảng, đoàn thể: Không; con ông: Lò Văn S, sinh năm 1959 và con bà Lò Thị N (đã chết); bị cáo có 03 anh em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; vợ: Lò Thị H, sinh năm 1988 (đã ly hôn);

Con: bị cáo có 03 con, lớn nhất sinh năm 2007, con nhỏ nhất sinh năm 2012.

Tiền sự: không;

Tiền án: 02 tiền án:

- Năm 2012, Tòa án nhân dân huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu xử phạt 18 tháng tù về tội "trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 138 BLHS năm 1999 bị cáo đã chấp hành xong (chưa được xóa án tích).

- Ngày 15/9/2015, Tòa án nhân dân huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu xử phạt 03 năm tù về tội "trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 138 BLHS năm 1999 bị cáo đã chấp hành xong (chưa được xóa án tích).

Bị cáo được áp dụng biện pháp lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 06/5/2019 đến ngày 30/7/2019 bị cáo bỏ trốn tại địa phương. Ngày 06/8/2019 bị cáo bị bắt theo quyết định truy nã số 04/QĐ ngày 02/8/2019 của cơ quan cảnh sát điều tra

Công an huyện Nậm Nhùn. Bị cáo đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Nậm Nhùn, bị cáo có mặt tại phiên toà.

2. Họ và tên: **Chìn Thị B**; tên gọi khác: Không;

Sinh năm 1984 tại Mường Tè, Lai Châu;

Nơi ĐKNKTT và chỗ ở trước khi bị bắt: Bản Huổi Cuổng, xã Vàng San, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Mảng; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; Chức vụ Đảng, đoàn thể: Không; con ông: Chìn A Đ, sinh năm 1953 và con bà Lò Thị S, sinh năm 1956; bị cáo có 05 chị em, bị cáo là con hai trong gia đình; Chồng: Lò Văn L, sinh năm 1983.

Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo được áp dụng biện pháp lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 06/5/2019 đến ngày 30/7/2019 bị cáo bỏ trốn tại địa phương. Ngày 06/8/2019 bị cáo bị bắt theo quyết định truy nã số 04/QĐ ngày 02/8/2019 của cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Nậm Nhùn. Bị cáo đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Nậm Nhùn, bị cáo có mặt tại phiên toà.

* Những người tham gia tố tụng khác:

1. Bị hại:

Anh Mùa A N, sinh năm 1984

Trú tại: Bản Pa Mu, xã Hua Bum, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu (vắng mặt tại phiên toà có lý do).

2. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Hạng A S, sinh năm 1996

Trú tại: Bản Pa Mu, xã Hua Bum, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu (vắng mặt tại phiên toà có lý do).

- Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1991

Trú tại: Khu 1, thị trấn Mường Tè, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu (vắng mặt tại phiên toà có lý do).

* Người bào chữa cho các bị cáo Lò A D và Chìn Thị B: Ông Nguyễn Công Hưởng – Trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lai Châu (Có mặt tại phiên toà).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng giữa tháng 3 năm 2019, Lò A D, sinh năm 1988 và Chìn Thị B, sinh năm 1984 cùng trú tại bản Huổi Cuổng, xã Vàng San, huyện Mường Tè đến bản Pa Mu, xã Hua Bum, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu làm thuê. Trong thời gian tại đây, D và B thường xuyên qua lại nhà anh Mùa A N, sinh năm 1984 và biết anh N thường để điện thoại di động trên nóc tủ ti vi để sạc pin qua đêm nên D và B đã nảy sinh ý định trộm cắp. Sau đó B gặp D và bảo D đến trộm điện thoại của anh N đem bán, nghe vậy D đồng ý. Đến khoảng 22 giờ ngày 15/3/2019 D đi một mình đến nhà anh N, sau khi quan sát thấy mọi người trong gia đình anh N đã ngủ. D mở cửa vào nhà anh Nỏ (cửa đóng nhưng không khóa) rồi đi vào trong nhà rút lấy 02 chiếc điện

thoại đang sạc pin trên tủ ti vi, lấy trộm được điện thoại D bỏ 02 chiếc điện thoại vào túi quần, rồi quay về chỗ làm thuê tại bản Pa Mu ngủ qua đêm. Sáng ngày 16/3/2019 D đưa cho Bchiếc điện thoại nhãn hiệu SAMSUNG J4+ sau đó B đem đi bán cho Hạng A S, sinh năm 1996 trú tại bản Pa Mu, xã Hua Pum huyện Nậm Nhùn với giá 300.000 đồng . Số tiền đó B và D cùng nhau chi tiêu hết. Đến chiều tối cùng ngày D và B cùng nhau đem chiếc điện thoại nhãn hiệu ITEL A16 đến cắm cho Nguyễn Văn C, sinh năm 1981 là thợ sửa xe máy tại khu 1, thị trấn Mường Tè, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu để đổi lấy xăng xe máy và số xăng đó D và B đã sử dụng hết.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 05/KL-HĐĐGTS ngày 11/4/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự thuộc UBND huyện Nậm Nhùn kết luận: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG J4+, màu vàng đồng, điện thoại đã qua sử dụng mà D và B đã trộm cắp của Mùa A N có giá trị là 2.200.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 07/KL-HĐĐGTS ngày 07/5/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự thuộc UBND huyện Nậm Nhùn kết luận: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu ITEL A16, màu vàng, điện thoại đã qua sử dụng mà D và B đã trộm cắp của Mùa A N có giá trị là 950.000 đồng.

Cáo trạng số 11/CT- VKS-NN ngày 15/8/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nậm Nhùn đã truy tố các bị cáo Lò A D và Chìn Thị B về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu vẫn giữ nguyên quan điểm như quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17 và Điều 58 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Lò A D từ 01năm đến 01 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản";

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17 Điều 58 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Chìn Thị B từ 06 tháng đến 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" và miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo; về án phí các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Mùa A N đã nhận lại 02 chiếc điện thoại mà bị cáo Lò A D và Chìn Thị B đã trộm cắp nên anh N không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thiệt hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Hạng A S và Nguyễn Văn C cũng không yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại gì đối với các bị cáo. Do vậy, không đề nghị xem xét giải quyết.

Tại phiên toà người bào chữa cho các bị cáo đưa ra các quan điểm và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173 điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17 và Điều 58 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lò A D mức thấp nhất của khung hình phạt; áp dụng khoản 1 Điều 173 điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 17 và Điều 58 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Chìn Thị B dưới mức thấp nhất của khung hình phạt; áp dụng khoản 5 điều 173 của Bộ luật hình sự miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho các bị cáo. Về án phí các bị cáo Lò A D và Chìn Thị B sinh sống thuộc khu vực đặc biệt khó khăn nên đề nghị

áp dụng điểm đ Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

Từ các chứng cứ và tài liệu được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ và các tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, lời trình bày của các bị cáo, ý kiến của người bào chữa cho các bị cáo. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, Quyết định của Cơ quan điều tra huyện Nậm Nhùn, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp. Vì vậy Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để khẳng định:

[2]. Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Ngày 15/3/2019, tại bản Pa Mu, xã Hua Pum, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu Lò A D và Chìn Thị B đã có hành vi trộm cắp 01 chiếc điện thoại di động có Nhãn hiệu SAMSUNG J4+ và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu ITEL A16 của anh Mùa A N có tổng giá trị là 3.150.000 (ba triệu một trăn năm mươi nghìn đồng), mục đích các bị cáo trộm cắp bán lấy tiền tiêu sài cá nhân.

Hành vi trên của các bị cáo Lò A D và Chìn Thị B đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 điều 173 của Bộ luật hình sự.

Vì vậy, bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nậm Nhùn đã truy tố các bị cáo là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[3]. Xét tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo đã rủ nhau trộm cắp 02 chiếc điện thoại của anh Mùa A N, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng đến trật tự trị an trên địa bàn. Các bị cáo không chịu lao động chân chính để kiếm tiền một cách hợp pháp mà đã cố ý phạm tội. Các bị cáo nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo D và B cùng rủ nhau để trộm cắp tài sản, đối với bị cáo D cũng là người thực hành tích cực. Vì vậy, cần phải áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ của các bị cáo để cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để các bị cáo có cơ hội tu dưỡng, rèn luyện và cải tạo thành công dân có ích cho xã hội.

Các bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi phạm tội mà mình gây ra. Xong khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cũng cần xem xét:

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Đối với các bị cáo Lò A D và Chìn Thị B tại phiên toà và trong quá trình điều tra các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS

Đối với bị cáo Chìn Thị B phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo là người dân tộc thiểu số, hiểu biết pháp luật còn hạn chế, nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm i khoản 1, khoản 2 Điều 51 của BLHS

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Chìn Thị B không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Lò A D có 02 tiền án về tội trộm cắp tài sản, nhưng trong bản án gần nhất cơ quan tố tụng huyện Mường Tè đã sử dụng tiền án trước đó của Lò A D là dấu hiệu định tội. Do vậy, bị cáo Lò A D phải chịu tình tiết tái phạm là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS trong lần phạm tội lần này.

Về hình phạt bổ sung: xét điều kiện hoàn cảnh kinh tế của các bị cáo có khó khăn, không có thu nhập ổn định nên cần miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho các bị cáo theo quy định tại khoản 5 điều 173 Bộ luật hình sự.

[4]. Về vật chứng của vụ án:

Quá trình điều tra, cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Nậm Nhùn thu giữ 02 chiếc điện thoại và đã trả lại cho anh Mùa A N nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Đối với số tiền bị cáo Lò A D và Chìn Thị B khai do phạm tội mà có, tuy nhiên số tiền các bị cáo đã chi tiêu cá nhân hết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5]. Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại anh Mùa A N đã nhận lại tài sản là 02 chiếc điện thoại mà bị cáo D và B đã trộm cắp, anh Mùa A N và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn C và Hạng A S có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa và cũng không yêu cầu các bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại gì thêm. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Đối với hành vi của Hạng A S và Nguyễn Văn C, quá trình trao đổi mua bán điện thoại Súa và C không biết đó là tài sản do các bị cáo trộm cắp mà có nên hành vi mua bán của Hạng A S và Nguyễn Văn C không cấu thành tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Do vậy Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6]. Về án phí: Các bị cáo Lò A D và Chìn Thị B sinh sống thuộc khu vực đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí nên cần áp dụng đ Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội để miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố các bị cáo Lò A D và Chìn Thị B phạm tội: "Trộm cắp tài sản".

1. Về hình phạt:

Áp dụng khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17 và Điều 58 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lò A D 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam 06/8/2019.

Áp dụng khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17 và Điều 58 của của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Chìn Thị B 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam 06/8/2019.

Áp dụng khoản 5 điều 173 Bộ luật hình sự miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho các bị cáo.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại anh Mùa A N đã nhận lại tài sản là 02 chiếc điện thoại mà bị cáo D và B đã trộm cắp, anh Mùa A N và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn C và Hạng A S có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa và cũng không yêu cầu các bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng điểm đ Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Lò A D và Chìn Thị B.

Các bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, Bị hại, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể ngày nhận được bản án hoặc niên yết bản án.

Nơi nhận:
- Các bị cáo;
- Bị hại;
- Người bào chữa;
- Người CQLNLQ;
- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Nậm Nhùn;
- VKSND tỉnh Lai Châu;
- Công an huyện Nậm Nhùn;
- Thi hành án dân sự huyện Nậm Nhùn;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Văn Bằng